

VĂN PHÒNG UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG

Số: /BC-TTPVHCC

Biểu số 06a

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Định, ngày tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO
KẾT QUẢ TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
(từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 01 năm 2022)

S T T	Cơ quan	Hồ sơ tiếp nhận, kết quả giải quyết (Từ ngày 01/01/2022 đến kỳ này)										Thực hiện kỳ này									Ghi chú
												Hồ sơ tiếp nhận			Kết quả giải quyết						
		Tổng số hồ sơ tiếp nhận	Trong đó									Tổng số hồ sơ tiếp nhận	Trong đó		Hồ sơ đã giải quyết			Hồ sơ đang giải quyết			
			Tiếp nhận qua dịch vụ bưu chính công ích	Tiếp nhận Trực tuyến (mức độ 3, 4)	Hồ sơ đã giải quyết				Hồ sơ đang giải quyết						Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
					Tổng số	Trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích	Trong đó		Tổng số	Trong hạn	Quá hạn		Trước hạn và đúng hạn	Trễ hạn		Trước hạn	Quá hạn				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)
1	Ban Quản lý Khu kinh tế	71	16	0	54	20	54	0	17	17	0	71	23	48	54	54	0	17	17	0	
2	Sở Công Thương	1.257	1.209	0	1.131	0	1.131	0	126	126	0	1.257	1.217	40	1.131	1.131	0	126	126	0	
3	Sở Du lịch	34	8	0	23	7	23	0	11	11	0	34	30	4	23	23	0	11	11	0	
4	Sở Giao thông vận tải	1.091	277	0	742	64	742	0	349	349	0	1.091	796	295	742	742	0	349	349	0	
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	117	67	0	89	44	89	0	28	28	0	117	68	49	89	89	0	28	28	0	
6	Sở Khoa học và Công nghệ	11	9	0	8	5	8	0	3	3	0	11	9	2	8	8	0	3	3	0	
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	220	1	0	189	159	189	0	31	31	0	220	187	33	189	189	0	31	31	0	

[illegible]

S T T	Cơ quan	Hồ sơ tiếp nhận, kết quả giải quyết (Từ ngày 01/01/2022 đến kỳ này)										Thực hiện kỳ này									Ghi chú
												Hồ sơ tiếp nhận			Kết quả giải quyết						
		Tổng số hồ sơ tiếp nhận	Trong đó									Tổng số hồ sơ tiếp nhận	Trong đó		Hồ sơ đã giải quyết			Hồ sơ đang giải quyết			
			Tiếp nhận Trực tuyến (mức độ 3, 4)	Tiếp nhận qua dịch vụ bưu chính công ích	Hồ sơ đã giải quyết				Hồ sơ đang giải quyết		Tổng số				Trong đó	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
					Tổng số	Trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích	Trong đó		Tổng số	Trong hạn			Quá hạn	Tổng số			Trước hạn và đúng hạn	Trễ hạn		Tổng số	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)
20	Công ty Điện lực Bình Định	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
21	Văn Phòng UBND tỉnh	305	0	0	215	0	215	0	90	90	0	305	214	91	215	215	0	90	90	0	
22	UBND TP. Quy Nhơn	5.103	528	0	4.276	70	4.242	34	827	820	7	5.103	4.277	826	4.276	4.242	34	827	820	7	
23	UBND thị xã An Nhơn	2.779	1	0	2.464	14	2.442	22	315	315	0	2.779	2.413	366	2.464	2.442	22	315	315	0	
24	UBND huyện Phù Cát	4.965	195	61	4.476	213	4.436	40	489	469	20	4.965	4.509	456	4.476	4.436	40	489	469	20	
25	UBND huyện Phù Mỹ	3.063	10	0	2.835	2	2.767	68	228	223	5	3.063	2.746	317	2.835	2.767	68	228	223	5	
26	UBND thị xã Hoài Nhơn	4.455	1.370	2	4.034	71	4.024	10	421	421	0	4.455	3.783	672	4.034	4.024	10	421	421	0	
27	UBND huyện Hoài Ân	1.966	433	0	1.755	156	1.742	13	211	209	2	1.966	1.900	66	1.755	1.742	13	211	209	2	
28	UBND huyện An Lão	2.063	324	0	1.660	5	1.657	3	403	403	0	2.063	1.703	360	1.660	1.657	3	403	403	0	
29	UBND huyện Tây Sơn	2.756	70	5	2.357	3	2.337	20	399	397	2	2.756	2.376	380	2.357	2.337	20	399	397	2	
30	UBND huyện Vĩnh Thạnh	932	24	0	859	7	859	0	73	73	0	932	896	36	859	859	0	73	73	0	
31	UBND huyện Tuy Phước	4.371	110	1	3.952	26	3.927	25	419	415	4	4.371	3.873	498	3.952	3.927	25	419	415	4	

S T T	Cơ quan	Hồ sơ tiếp nhận, kết quả giải quyết (Từ ngày 01/01/2022 đến kỳ này)										Thực hiện kỳ này								Ghi chú	
												Hồ sơ tiếp nhận			Kết quả giải quyết						
		Tổng số hồ sơ tiếp nhận	Tiếp nhận qua Trực tuyến (mức độ 3, 4)	Tiếp nhận qua dịch vụ bưu chính công ích	Trong đó				Tổng số hồ sơ tiếp nhận	Trong đó		Hồ sơ đã giải quyết			Hồ sơ đang giải quyết						
					Hồ sơ đã giải quyết		Hồ sơ đang giải quyết			Kỳ này	Kỳ trước chuyển sang	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó					
					Tổng số	Trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích	Trong đó						Tổng số	Trong đó		Quá hạn	Trước hạn và đúng hạn	Trễ hẹn	Trong hạn		Quá hạn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)
32	UBND huyện Vân Canh	2.594	57	0	2.524	8	2.520	4	70	68	2	2.594	2.399	195	2.524	2.520	4	70	68	2	
Σ	Tổng số	43.455	6.341	262	37.117	1.417	36.875	242	6.338	6.295	43	43.455	36.870	6.585	37.117	36.875	242	6.338	6.295	43	

Ghi chú: Số liệu của cấp huyện bao gồm cả số liệu của cấp xã.

- Nơi nhận:
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
 - Lãnh đạo UBND tỉnh (b/c);
 - Các Sở, ban, ngành liên quan (để phối hợp);
 - UBND các huyện, TX, TP (để phối hợp);
 - Lãnh đạo VP UBND tỉnh (b/c);
 - Lưu: VT, P.HC-TC, KSTT, K3.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Đặng Trung Du